

KNOWLEDGE OF NURSES ON PRESSURE ULCER PREVENTION AT TRANSPORT HOSPITAL IN 2024

Hoang Thi Nhung, Can Ngoc Trung*, Nguyen Thi Thu, Le Thi Duyen, Vu Anh Tu

Transportation Hospital - 169 Huynh Thuc Khang, Lang Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 16/08/2025

Revised: 28/08/2025; Accepted: 05/09/2025

ABSTRACT

Objectives: To describe the level of knowledge and analyze associated factors regarding pressure ulcer prevention among nurses at Transport Hospital in 2024.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 86 clinical nurses using the standardized PUKT questionnaire. Data were analyzed with SPSS 26.0.

Results: The mean knowledge score was 42.34/47 (SD=2.11), with 97.67% of nurses achieving good to excellent levels. No statistically significant associations were found between knowledge and demographic variables ($p>0.05$).

Conclusion: Nurses at Transport Hospital demonstrated high knowledge of pressure ulcer prevention. However, certain specific aspects require further reinforcement through continuous education and training programs.

Keywords: Pressure ulcer, nurses, knowledge, prevention.

*Corresponding author

Email: trunghscc14@gmail.com **Phone:** (+84) 979446799 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD14.3055**

KHẢO SÁT KIẾN THỨC CỦA ĐIỀU DƯỠNG VỀ DỰ PHÒNG LOÉT TỖ ĐÈ TẠI BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI NĂM 2024

Hoàng Thị Nhung, Cấn Ngọc Trung*, Nguyễn Thị Thu, Lê Thị Duyên, Vũ Anh Tú

Bệnh viện Giao thông Vận tải - 169 Huỳnh Thúc Kháng, P. Láng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 16/08/2025

Ngày sửa: 28/08/2025; Ngày đăng: 05/09/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả mức độ kiến thức và phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức dự phòng loét tỳ đè của điều dưỡng tại Bệnh viện Giao thông vận tải năm 2024.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 86 điều dưỡng lâm sàng, sử dụng bộ câu hỏi chuẩn hóa PUKT; số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0.

Kết quả: Điểm kiến thức trung bình của điều dưỡng đạt 42,34/47 (SD=2,11), trong đó 97,67% đạt mức giỏi và xuất sắc. Không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức với các yếu tố nhân khẩu học ($p>0,05$).

Kết luận: Điều dưỡng tại Bệnh viện Giao thông vận tải có kiến thức cao về dự phòng loét tỳ đè. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số nội dung hạn chế cần được củng cố thông qua các chương trình đào tạo và tập huấn thường xuyên.

Từ khóa: Loét tỳ đè, điều dưỡng, kiến thức, dự phòng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Loét tỳ đè là tổn thương da và mô mềm do bị đè ép kéo dài, làm giảm lưu thông máu, gây thiếu máu cục bộ và hoại tử tổ chức. Bệnh thường xảy ra ở người bệnh hạn chế khả năng thay đổi tư thế hoặc phải nằm trong thời gian dài. Loét tỳ đè không chỉ làm tăng nguy cơ nhiễm khuẩn mà còn kéo dài thời gian nằm viện, làm tăng đáng kể chi phí điều trị và gánh nặng y tế [1],[2].

Tỷ lệ mắc loét tỳ đè dao động từ 12–25% tại các bệnh viện trên thế giới, trong đó tỷ lệ mắc tại các khoa hồi sức cấp cứu ở Việt Nam dao động từ 13,6–25% [2],[3]. Điều dưỡng đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện và phòng ngừa loét tỳ đè thông qua đánh giá nguy cơ, chăm sóc da, dinh dưỡng và thay đổi tư thế thường xuyên cho người bệnh [4].

Tuy nhiên, các nghiên cứu về mức độ hiểu biết của điều dưỡng trong lĩnh vực này tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả mức độ kiến thức và tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa loét tỳ đè của điều dưỡng tại Bệnh viện Giao thông Vận tải năm 2024, qua đó góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Điều dưỡng đang công tác tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Giao thông Vận tải, đáp ứng tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn lựa chọn:

+ Điều dưỡng trực tiếp chăm sóc người bệnh có nguy cơ loét tỳ đè tại các khoa: Hồi sức cấp cứu (Cấp cứu, Hồi sức tích cực), Nội (Nội Tổng hợp 1, Nội Tổng hợp 2, Nội Thần kinh, Nội Hô hấp và Truyền nhiễm, Thận – Tiết niệu nhân tạo), Ngoại – Sản (Gây mê hồi sức, Ngoại Tổng hợp, Chấn thương chỉnh hình).

+ Có mặt tại khoa trong thời gian thu thập số liệu.

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ:

+ Điều dưỡng đang trong thời gian đào tạo tại các khoa lâm sàng.

+ Điều dưỡng các khoa cận lâm sàng không liên quan đến chăm sóc người bệnh loét tỳ đè.

*Tác giả liên hệ

Email: trungnhsc14@gmail.com Điện thoại: (+84) 979446799 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD14.3055>

+ Nhân viên hộ lý.

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu toàn bộ: gồm 86 điều dưỡng đủ điều kiện.
- Phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

2.4. Công cụ nghiên cứu

Bộ câu hỏi gồm 2 phần, được phát triển dựa trên Bộ kiểm tra kiến thức loét tỷ đè (Pressure Ulcer Knowledge Test – PUKT) của Pieper và Mott (1995) [5]:

- Phần I: Thông tin nhân khẩu học và một số yếu tố liên quan (tuổi, giới, trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc).
- Phần II: 47 câu hỏi về kiến thức dự phòng loét tỷ đè (phân loại, yếu tố nguy cơ, biện pháp chăm sóc), dạng trả lời Đúng – Sai – Không biết.

2.5. Quy trình thu thập số liệu

- Thời gian: 01/8/2024 đến 01/8/2025.
- Phát phiếu câu hỏi trực tuyến (Google Forms) tại các khoa, điều dưỡng tự hoàn thành trong 15–20 phút sau khi được giải thích rõ mục tiêu và tự nguyện tham gia.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

- Dữ liệu xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0.
- Các biến định tính trình bày dưới dạng tần số và tỷ lệ %; biến định lượng mô tả bằng trung bình và độ lệch chuẩn.
- So sánh các nhóm bằng kiểm định t-test, ANOVA hoặc tương quan Spearman/Pearson; mức ý nghĩa thống kê là $p < 0,05$.

2.7. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu đảm bảo nguyên tắc đạo đức, bảo mật thông tin cá nhân, và được sự đồng ý của tất cả các điều dưỡng tham gia.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của điều dưỡng (n=86)

Đặc điểm	Nhóm	n (%)
Giới tính	Nam	20 (23,3%)
	Nữ	66 (76,7%)
Trình độ học vấn	Trung cấp	14 (16,3%)
	Cao đẳng	40 (46,5%)
	Đại học	31 (36,0%)
	Sau đại học	1 (1,2%)

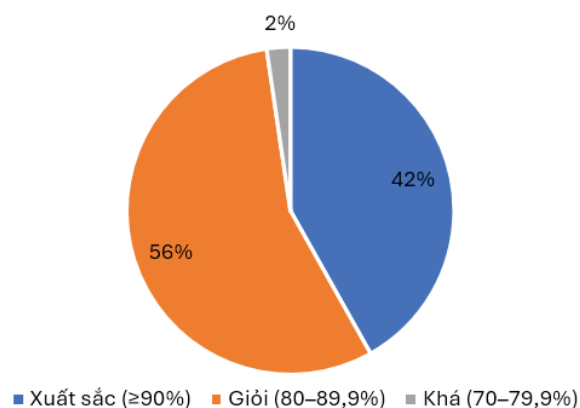
Đặc điểm	Nhóm	n (%)
Vị trí công tác	Điều dưỡng trưởng	9 (10,5%)
	Điều dưỡng hành chính	8 (9,3%)
	Điều dưỡng chăm sóc	69 (80,2%)
Khoa làm việc	Hệ Nội	29 (33,7%)
	Hệ Ngoại - Sản	28 (32,6%)
	Hệ Hồi sức cấp cứu	29 (33,7%)

Nhận xét: Chủ yếu là nữ (76,7%), trình độ cao đẳng và đại học chiếm đa số (82,5%), phần lớn làm công tác chăm sóc trực tiếp (80,2%), phân bố tương đối đồng đều giữa các khoa Nội, Ngoại – Sản và Hồi sức cấp cứu.

Bảng 2. Điểm kiến thức tổng thể của điều dưỡng (n=86)

Điểm kiến thức	Trung bình $\pm$ SD	Thấp nhất	Cao nhất
Tổng điểm (0–47)	42,34 $\pm$ 2,11	34	47

Nhận xét: Điểm kiến thức trung bình của điều dưỡng đạt mức cao (42,34/47), với khoảng điểm dao động từ 34 đến 47, cho thấy phần lớn điều dưỡng có nền tảng kiến thức tốt về dự phòng loét tỷ đè.



Biểu đồ 1. Phân bố mức độ kiến thức về dự phòng loét tỷ đè (n=86)

Nhận xét: Tỷ lệ điều dưỡng đạt mức giỏi và xuất sắc chiếm đa số (97,67%), phản ánh trình độ kiến thức chung ở mức cao trong phòng ngừa loét tỷ đè.

Bảng 3. Kiến thức đúng của điều dưỡng theo các nhóm nội dung chính (n=86)

Nhóm nội dung kiến thức	Tỷ lệ trả lời đúng (%)
Đặc điểm, phân loại loét	86,0%
Nguy cơ loét tỷ đè	93,9%
Chăm sóc da	85,0%
Thay đổi tư thế	78,0%

Nhóm nội dung kiến thức	Tỷ lệ trả lời đúng (%)
Thiết bị giảm áp lực	85,5%
Dinh dưỡng và các biện pháp gián tiếp	92,7%

Nhận xét: Điều dưỡng trả lời đúng cao nhất ở nhóm nguy cơ loét tỳ đè (93,9%) và dinh dưỡng (92,7%). Nhóm kiến thức về thay đổi tư thế có tỷ lệ trả lời đúng thấp hơn (78%), cho thấy cần tập trung củng cố nội dung này.

Bảng 4. Các nội dung kiến thức còn hạn chế (n=86)

Nội dung kiến thức hạn chế	Tỷ lệ trả lời sai (%)
Xoa bóp vùng tỳ đè giúp dự phòng loét (Sai)	41,9%
Thời gian thay đổi tư thế khi ngồi trên ghế (Sai)	32,6%
Hiệu quả của miếng dán bảo vệ gót chân (Sai)	26,7%
Sử dụng đệm vòng hình tròn phòng ngừa loét (Sai)	31,4%

Nhận xét: Một số điều dưỡng vẫn nhầm lẫn về các biện pháp không còn phù hợp, điển hình là xoa bóp vùng tỳ đè (41,9%) và sử dụng đệm vòng (31,4%), cho thấy nhu cầu đào tạo bổ sung các kiến thức cập nhật.

Bảng 5. Phân tích mối liên quan giữa kiến thức và các yếu tố nhân khẩu học (n=86)

Yếu tố nhân khẩu học	Điểm TB $\pm$ SD	Kiểm định thống kê	p-value
Giới tính		t=1,367	0,181
- Nam	41,80 $\pm$ 1,96		
- Nữ	42,50 $\pm$ 2,14		
Trình độ học vấn		r (Spearman) = -0,17	0,118
- Trung cấp	43,29 $\pm$ 1,98		
- Cao đẳng	42,25 $\pm$ 2,22		
- Đại học	42,10 $\pm$ 1,99		
- Sau đại học	41,00		
Tuổi	-	r (Pearson) = 0,041	0,706
Kinh nghiệm làm việc	-	r (Spearman) = 0,021	0,847

Nhận xét: Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức với giới tính, trình độ học vấn, tuổi hay kinh nghiệm làm việc ($p>0,05$), chứng tỏ kiến thức được duy trì đồng đều trong toàn bộ nhóm điều dưỡng.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 86 điều dưỡng tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Giao thông Vận tải cho thấy điểm kiến thức trung bình về dự phòng loét tỳ đè đạt mức cao (42,34/47 điểm), với 97,67% điều dưỡng đạt mức độ giỏi và xuất sắc. Kết quả này cao hơn đáng kể so với một số nghiên cứu trước đây. Chẳng hạn, nghiên cứu của Pieper và Mott năm 1995 ghi nhận mức độ kiến thức của điều dưỡng thấp hơn đáng kể, phản ánh sự cải thiện về kiến thức dự phòng loét tỳ đè nhờ các chương trình đào tạo liên tục và cập nhật các hướng dẫn thực hành lâm sàng trong những năm gần đây [5].

Trong nghiên cứu này, các nội dung liên quan đến nhận diện nguy cơ loét tỳ đè (93,9%) và kiến thức về dinh dưỡng và các biện pháp gián tiếp (92,7%) được điều dưỡng trả lời đúng nhiều nhất. Kết quả này tương đồng với khuyến cáo của Hiệp hội quốc tế về Phòng ngừa loét tỳ đè (NPUAP/EPUAP/PPPIA), trong đó nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc đánh giá nguy cơ sớm và thực hiện các biện pháp dự phòng, đảm bảo cung cấp dinh dưỡng đầy đủ cho người bệnh [4]. Ngoài ra, nghiên cứu của Siri Choragudi (2024) cũng nhấn mạnh rằng hiểu biết đầy đủ về nguy cơ loét tỳ đè giúp cải thiện đáng kể kết quả chăm sóc lâm sàng và giảm chi phí điều trị [6].

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế rõ rệt trong kiến thức điều dưỡng. Đáng chú ý là 41,9% điều dưỡng vẫn nhầm lẫn về việc xoa bóp các vùng tỳ đè như một biện pháp hiệu quả để phòng ngừa loét tỳ đè, một thực hành đã được chứng minh là không hiệu quả, thậm chí có thể gây tổn thương thêm cho mô mềm như khuyến cáo của NPUAP/EPUAP/PPPIA. Tương tự, nhiều điều dưỡng cũng hiểu chưa đúng về việc sử dụng các thiết bị hỗ trợ như miếng dán bảo vệ gót chân (26,7%) và đệm vòng hình tròn (31,4%). Những hiểu lầm này đã được nhấn mạnh trong các nghiên cứu quốc tế như nghiên cứu của Lahmann và cộng sự (2024), và Rodgers và cộng sự (2021), khi các nghiên cứu này chỉ ra rằng sự hiểu biết không đầy đủ có thể làm giảm hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa trong thực hành lâm sàng [1],[2].

Phân tích sâu hơn cho thấy, không có mối liên quan thống kê đáng kể nào giữa kiến thức điều dưỡng với các yếu tố nhân khẩu học như tuổi, giới tính, trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc ($p>0,05$). Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu trước đây tại Việt Nam, ví dụ như nghiên cứu của Trần Văn Oánh và Nguyễn Thị Hằng (2016), cũng không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa về kiến thức dự phòng loét tỳ đè

giữa các nhóm nhân khẩu học khác nhau [3]. Điều này cho thấy chương trình đào tạo tại bệnh viện đã đạt hiệu quả tương đối đồng đều trên tất cả các đối tượng điều dưỡng.

Một hạn chế cần được lưu ý là cỡ mẫu nghiên cứu chưa lớn và tính đồng nhất của mẫu cao, do đó có thể chưa phản ánh đầy đủ toàn diện tình hình thực tế. Các nghiên cứu tương lai nên mở rộng phạm vi nghiên cứu và phân tích sâu hơn các yếu tố có thể tác động đến kiến thức của điều dưỡng, đồng thời đánh giá trực tiếp mối liên hệ giữa kiến thức và thực hành chăm sóc người bệnh thực tế.

Nghiên cứu này cung cấp những bằng chứng thực tế quan trọng giúp định hướng cho các chương trình đào tạo liên tục và cập nhật hướng dẫn thực hành lâm sàng, từ đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa loét tỳ đè tại Bệnh viện Giao thông Vận tải cũng như các cơ sở y tế tương tự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lahmann N, Mayer MF, Posnett J. Pressure ulcers in German hospitals: Analysis of reimbursement and length of stay. *J Wound Care*, 2024;19(1):20230839.
- [2] Rodgers K, Sim J, Clifton R. Systematic review of pressure injury prevalence in Australian and New Zealand hospitals. *Collegian*, 2021;28(3):310-323.
- [3] Trần Văn Oánh, Nguyễn Thị Hằng và cộng sự. Giải pháp dự phòng loét tỳ đè tại khoa Nội - Hồi sức thần kinh, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. *Y học Việt Nam*, 2016
- [4] NPUAP/EPUAP/PPPIA. Prevention and Treatment of Pressure Ulcers: Quick Reference Guide. Cambridge Media; 2014.
- [5] Pieper B, Mott M. Nurses' knowledge of pressure ulcer prevention, staging and description. *Advances in Wound Care*, 1995;8(3):34-48.
- [6] Siri Choragudi .Trends in inpatient burden from pressure injuries in the United States: Cross-sectional study National Inpatient Sample 2009-2019. *Wound Repair Regen* 2024 Jul-Aug;32(4):487-499.